TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2025/HS-ST
Ngày: 14/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Khải.**

Bà **Bạc Thị Kiên.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST - HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/HSST- QĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đối với Bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Thị L**; sinh năm: 1981, tại Điện Biên; Nơi cư trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản Xôm, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản X, xã T, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn B (đã chết) và bà: Lò Thị Ấ; sinh năm 1964; Bị cáo có chồng thứ nhất là anh: Lò Văn C (đã chết); Chồng thứ 2 là anh: L1; sinh năm 1977 (đã ly hôn năm 2013); Chồng thứ ba là anh: Nguyễn Trần H; sinh năm 1980; Bị cáo có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 27/11/2018, Bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Toà án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên) xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại bản án số: 279/2018/HSST, đến ngày 27/7/2024 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, nhưng Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/11/2009, Bị cáo bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên) xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép

chất ma túy" tại bản án số: 12/2009/HSST, đến ngày 15/3/2011 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống,

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/4/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử *(có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/4/2025, Lò Thị L cầm theo số tiền 50.000 đồng đi bộ từ nhà đến khu vực đường ở giữa bản X, xã T, huyện Đ (nay là bản Xôm, xã T, tỉnh Điện Biên) để tìm mua Hồng phiến để sử dụng. Khi đến giữa bản Xôm, Bị cáo gặp của một người đàn ông dân tộc T, khoảng 40 tuổi (Bị cáo không biết tên, địa chỉ), Bị cáo hỏi người đàn ông đó "có H1 phiến bán không?, có thì bán cho 50.000 đồng?", người đàn ông đó trả lời "có", Bị cáo lấy từ trong túi trước bên phải quần đang mặc 50.000 đồng đưa cho người đàn ông đó. Người đàn ông đó cầm tiền và đưa cho Bị cáo 01 gói nilon màu đen, miệng gói được xoắn lại bên trong có 01 viên Hồng phiến, 01 gói nilon màu hồng, miệng gói được xoắn lại bên trong có 01 viên Hồng phiến. Bị cáo cầm 02 gói Hồng phiến ở trong lòng bàn tay phải rồi đi bộ về nhà, khi Bị cáo về đến cổng nhà thì có tổ công tác Phòng cảnh sát Điều tra tội phạm về ma tuý, Công an tỉnh Đ đi đến kiểm tra và phát hiện, thu giữ trong lòng bàn tay phải của Bị cáo đang cầm 02 gói Hồng phiến. Tổ công tác đã mời người chứng kiến và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2025 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành cân xác định khối lượng số vật chứng thu giữ của Lò Thị L như sau: Số viên màu hồng nghi là Hồng phiến có khối lượng là: 0,2 gam gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 351/KL- KTHS ngày 26/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận:

- Mẫu vật chứng nghi Methamphetamine được gửi đi từ vật chứng thu giữ của Lò Thị L giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Vật chứng hoàn lại sau giám định là 0,14 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSKV2 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thị L về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38/BLHS.

Đề nghị xử phạt Bị cáo: Từ 01 năm 05 tháng đến 01 năm 08 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 0,14 gam Methamphetamine là vật chứng hoàn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon màu hồng là vật không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình để nuôi dạy các con của Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị L khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 08 giờ 30 phút ngày 21/4/2025, tại khu vực bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản X, xã T, tỉnh Điện Biên), Bị cáo có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,2 gam Methamphetamine, mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của Bị cáo là nguồn nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) …….Methamphetamine, Heroine, C, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;"

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân của Bị cáo là xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, nguy cơ gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra tại Điện Biên, được ra định nuôi ăn học hết lớp 3/12 thì nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2000 Bị cáo kết hôn với anh Lò Văn C1 (đã chết); Năm 2004 Bị cáo kết hôn với anh Lường Việt T1; sinh năm 1977 (đã ly hôn năm 2013); Năm 2015 Bị cáo kết hôn với anh Nguyễn Trần H; sinh năm 1980 (hiện đang chấp hành án tại Trại giam N- Bộ C2); Bị cáo có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/11/2009, Bị cáo bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên) xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại bản án số: 12/2009/HSST. Đến ngày 15/3/2011 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống,

- Tình tiết tăng nặng: Ngày 27/11/2018, Bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là TAND Khu vực 2 - Điện Biên) xử 24 tháng tù giam tại bản án số: 279/2018/HSST, đến ngày 27/7/2024 Bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới, chính vì vậy Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 0 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2025; Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên quy định hình phạt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn quy định nhẹ hơn tại khoản 1 Điều 249 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025. Với nguyên tắc xét xử có lợi cho Bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với hành vi phạm tội của Bị cáo.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm của Viện kiểm sát đề nghị đối với Bị cáo, HĐXX thấy có đủ cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên đối với mức hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị từ 01 năm 05 tháng tù đến 01 năm 08 tháng tù đối với Bị cáo, HĐXX thấy rằng, trước khi bị bắt Bị cáo là lao động chính trong gia đình và tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chồng Bị cáo đang đi chấp hành án, Bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ dưới 18 tuổi, khi bị bắt phải nhờ người trông nom, chăm sóc. Vì vậy, HĐXX có thể xử mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, mong muốn Bị cáo sớm trở về nuôi dạy con cái.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249/BLHS: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 0,14 gam Methamphetamine là vật chứng hoàn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon màu hồng là vật không có giá trị sử dụng.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma tuý cho Bị cáo, do Bị cáo không biết tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ, vì vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị L phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (21/4/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu tiêu hủy gồm:* 0,14 gam Methamphetamine là vật chứng hoàn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon màu hồng là vật không có giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2025).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TTG CAT Điện Biên;
- VKSND KV2-ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- CAT ĐB (PC04; PV06);
- Phòng THADS KV2-ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan